

Thông tư của Bộ Tài chính số 85/2009/TT-BTC ngày 28/4/2009 Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 58/2009/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm thực hiện chủ trương kích cầu đầu tư và tiêu dùng, ngăn chặn suy giảm kinh tế, tháo gỡ khó khăn đối với doanh nghiệp

Căn cứ Luật thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2008/QH12 của Quốc hội khoá 12 về dự toán Ngân sách nhà nước năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 58/2009/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm thực hiện chủ trương kích cầu đầu tư và tiêu dùng, ngăn chặn suy giảm kinh tế, tháo gỡ khó khăn đối với doanh nghiệp;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 58/2009/QĐ-TTg như sau:

Điều 1. Giảm 50% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng

1. Hàng hoá, dịch vụ thuộc diện giảm 50% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng (GTGT) từ ngày 01 tháng 5 năm 2009 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2009 quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định 58/2009/QĐ-TTg được hướng dẫn cụ thể như sau:

a) Sợi, vải và sản phẩm may mặc, da giày các loại bao gồm:

- Sợi các loại bao gồm cả xơ các loại;

- Vải các loại;

- Sản phẩm của ngành may;

- Da các loại;

- Giày các loại;

b) Giấy các loại (trừ giấy in báo) bao gồm cả bột giấy, sản phẩm bằng giấy các loại, trừ sách quy định tại điểm 0, khoản 2, Điều 8 của Luật thuế GTGT và sản phẩm bằng giấy thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt;

c) Xi măng;

d) Gạch, ngói các loại bao gồm cả tấm fibrô ximăng;

đ) Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh: loại có dung tích xi lanh trên 125 cm³.

2. Việc giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT áp dụng đối với hàng hoá quy định tại khoản 1 Điều này áp dụng đối với cả phế phẩm, phế liệu thu được trong quá trình sản xuất ra sản phẩm đó.

3. Danh mục các mặt hàng được giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT quy định tại khoản 1 Điều này chi tiết theo Danh mục hàng hoá của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi được ban hành kèm theo Thông tư này (sau đây gọi là Danh mục hàng hoá).

Những mặt hàng được giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT được đánh dấu "x" tại cột "Mặt hàng được giảm" của Danh mục một số mặt hàng được giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT.

Việc giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT đối với các mặt hàng trong danh mục bổ sung này được áp dụng thống nhất ở các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công hay kinh doanh thương mại.

4. Khi lập hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ thuộc diện được giảm thuế suất thuế GTGT, tại dòng thuế suất thuế GTGT ghi "10% x 50%"; tiền thuế GTGT; tổng số tiền người mua phải thanh toán.

Trường hợp doanh nghiệp sử dụng hoá đơn tự in thì tại dòng thuế suất GTGT ghi 5%, tại dòng "Hàng hoá, dịch vụ" ngoài việc ghi tên hàng hoá, dịch vụ cung cấp cần ghi bổ sung thêm dòng "mặt hàng được giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT".

Ví dụ: Công ty A bán 100 tấn xi măng cho công ty B theo hợp đồng ký kết giữa hai bên, giá bán chưa có thuế GTGT là 1.300.000 đồng/tấn. Xi măng thuộc đối tượng được giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT. Do đó, khi lập hoá đơn GTGT giao xi măng cho Công ty B trong thời gian từ ngày 01/5/2009 đến hết ngày 31/12/2009, Công ty A ghi như sau:

Tại cột "Hàng hoá, dịch vụ" ghi: "Xi măng"

Giá bán ghi: 1.300.000 (đồng) x 100 (tấn) = 130.000.000 đồng

Thuế suất thuế GTGT: "10% x 50%"

Tiền thuế GTGT: 6.500.000 đồng

Tổng giá thanh toán: 136.500.000 đồng

Căn cứ hoá đơn GTGT, Công ty A kê khai thuế GTGT đầu ra, Công ty B kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo số thuế ghi trên hoá đơn là 6.500.000 đồng.

Khi kê khai thuế GTGT người nộp thuế kê khai vào Bảng kê hoá đơn chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra (mẫu số 01-1/GTGT ban hành kèm theo Thông tư 60/2007/TT-BTC) ở dòng Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất 5% (ghi rõ vào cột "Ghi chú" trong Bảng kê là: "đã giảm 50%").

5. Đối tượng được áp dụng giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT bao gồm cả hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh các hàng hoá thuộc diện được giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT quy định tại Điều này.

Hộ gia đình, cá nhân nộp thuế GTGT theo phương pháp khoán, sản xuất, kinh doanh nhiều hàng hóa, dịch vụ trong đó có sản xuất, kinh doanh hàng hóa thuộc diện được giảm và không được giảm 50% thuế suất thuế GTGT thì phải khai riêng doanh số của từng loại hàng hóa được giảm thuế GTGT (ghi rõ tại chỉ tiêu 3. Doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT: doanh thu hàng hóa thuộc đối tượng được giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT - Tờ khai Mẫu số 01/THKH ban hành kèm theo Thông tư 60/2007/TT-BTC). Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không xác định riêng được doanh số của hàng hóa quy định tại Điều này thì không thuộc diện được giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT.

Điều 2. Gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu

1. Gia hạn thời hạn nộp thuế GTGT đến 180 ngày đối với các lô hàng nhập khẩu là máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp.

Thời gian gia hạn nộp thuế được tính liên tục kể từ ngày đăng ký Tờ khai hải quan kể cả ngày lễ, ngày nghỉ theo quy định của pháp luật và áp dụng đối với các tờ khai hàng hoá nhập khẩu đăng ký với cơ quan hải quan kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2009 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2009. Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn nộp thuế quy định tại khoản này trùng với ngày nghỉ theo quy định của pháp luật thì ngày cuối cùng của thời gian gia hạn là ngày làm việc tiếp theo ngày nghỉ đó.

2. Máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng quy định tại khoản 1 Điều này là loại không được quy định trong Danh mục các loại máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải chuyên dùng, vật tư xây dựng, vật tư, phụ tùng trong nước đã sản xuất được do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành.

Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh nhập khẩu dây chuyền thiết bị, máy móc đồng bộ thuộc diện gia hạn nộp thuế GTGT theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều này, nhưng trong dây chuyền đồng bộ đó có cả loại thiết bị, máy móc trong nước đã sản xuất được thì toàn bộ dây chuyền thiết bị, máy móc đồng bộ này thuộc diện được gia hạn nộp thuế GTGT.

Để xác định hàng hóa thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu quy định tại Điều này, cơ sở nhập khẩu phải xuất trình cho cơ quan Hải quan các hồ sơ sau:

- Hợp đồng nhập khẩu;

Trường hợp nhập khẩu uỷ thác phải có thêm Hợp đồng uỷ thác nhập khẩu.

Trường hợp cơ sở đã trúng thầu cung cấp hàng hóa cho các đối tượng sử dụng cho mục đích quy định tại Điều này phải có thêm Giấy báo trúng thầu và hợp đồng bán cho các doanh nghiệp theo kết quả đấu thầu.

Trường hợp Công ty cho thuê tài chính nhập khẩu để cho thuê tài chính phải có thêm Hợp đồng cho thuê tài chính.

- Xác nhận của Giám đốc doanh nghiệp về các loại hàng hóa nhập khẩu để sử dụng làm tài sản cố định.

3. Hàng hoá quy định tại khoản 1 Điều này đã được gia hạn nộp thuế nếu thay đổi mục đích sử dụng (như nhượng bán, thanh lý) trong thời gian được gia hạn nộp thuế thì kê khai, nộp số thuế GTGT khâu nhập khẩu đã được gia hạn với cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan. Thời điểm tính thuế GTGT là thời điểm chuyển mục đích sử dụng.

4. Doanh nghiệp có hàng hoá nhập khẩu quy định tại khoản 1 Điều này có thể lựa chọn thực hiện nộp thuế GTGT một lần đối với số thuế GTGT của hàng hoá nhập khẩu được gia hạn nộp thuế hoặc thực hiện nộp thuế nhiều lần nhưng lần nộp cuối cùng không được vượt quá thời gian được gia hạn nộp thuế.

Doanh nghiệp không bị tính phạt chậm nộp đối với số thuế GTGT nộp dần trong vòng 180 ngày, kể từ ngày đăng ký Tờ khai hải quan.

Điều 3. Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp của Quý IV năm 2008 đối với thu nhập của doanh nghiệp từ các hoạt động sản xuất, gia công sợi, dệt, nhuộm, may và sản xuất các mặt hàng da, giày (sau đây gọi chung là hoạt động được giảm thuế).

Hoạt động sản xuất, gia công sợi, dệt, nhuộm, may và sản xuất các mặt hàng da, giày làm căn cứ xác định giảm thuế được căn cứ vào quy định của pháp luật hiện hành về phân ngành kinh tế quốc dân.

2. Cách xác định số thuế TNDN được giảm

Số thuế TNDN được giảm của quý IV năm 2008 bằng 30% số thuế TNDN phải nộp đối với phần thu nhập từ hoạt động được giảm thuế phát sinh trong quý. Số thuế TNDN đối với phần thu nhập từ hoạt động được giảm thuế của quý IV năm 2008 làm căn cứ xác định số thuế giảm, doanh nghiệp được lựa chọn xác định theo một trong hai cách sau:

- Xác định theo kết quả hạch toán kinh doanh của doanh nghiệp;
- Xác định bằng tổng số thuế TNDN phải nộp của năm 2008 đối với phần thu nhập từ hoạt động được giảm thuế chia cho bốn.

Trường hợp doanh nghiệp không hạch toán riêng được thu nhập từ các hoạt động được giảm thuế TNDN thì thu nhập được giảm thuế xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu của các hoạt động được giảm thuế với tổng doanh thu từ các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp có hoạt động sản xuất các mặt hàng giày mà trong đó có sản xuất cả sản phẩm dép thì thu nhập từ hoạt động được giảm thuế bao gồm cả thu nhập từ sản xuất sản phẩm dép.

Trường hợp doanh nghiệp đang trong thời gian được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định của pháp luật về thuế TNDN thì số thuế TNDN được giảm 30% được tính trên số thuế còn lại sau khi đã trừ đi số thuế TNDN được ưu đãi theo quy định của pháp luật về thuế TNDN.

Quý IV năm 2008 quy định tại Điều này được hiểu bao gồm các tháng 10, 11, 12 của năm 2008.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện: Việc giảm 30% thuế TNDN của Quý IV/2008 đối với phần thu nhập từ hoạt động được giảm thuế thực hiện theo hướng dẫn tại Mục II Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính.

Trường hợp doanh nghiệp đã kê khai, nộp thuế TNDN của năm 2008 vào ngân sách nhà nước và đã quyết toán thuế thì doanh nghiệp được lập hồ sơ kê khai bổ sung điều chỉnh theo quy định tại Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/06/2007 để điều chỉnh giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của Quý IV năm 2008, số thuế TNDN được giảm của Quý IV năm 2008 được chuyển sang để trừ vào số thuế phải nộp của kỳ tính thuế tiếp theo hoặc được hoàn thuế theo quy định.

4. Việc giảm thuế TNDN theo hướng dẫn tại Thông tư này áp dụng đối với các doanh nghiệp đã thực hiện chế độ kế toán hoá đơn, chứng từ và thực hiện đăng ký nộp thuế theo kê khai.

Điều 4. Giảm lệ phí trước bạ

1. Giảm 50% mức thu lệ phí trước bạ đối với xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe), áp dụng đối với hồ sơ kê khai lệ phí trước bạ nộp cho cơ quan thuế kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2009 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2009, không phân biệt đăng ký lần đầu hay lần thứ 2 trở đi.

2. Xe ô tô thuộc diện giảm 50% mức thu lệ phí trước bạ quy định tại Điều này không bao gồm xe lam, xe ô tô thiết kế vừa chở người, vừa chở hàng.

3. Khai lệ phí trước bạ: trên Tờ khai lệ phí trước bạ (mẫu số 02/LPTB ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính) tại Chỉ tiêu 2 phần B "Số tiền lệ phí trước bạ phải nộp (đồng)": Ghi bổ sung "Bằng giá trị tài sản (đối với xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi, kể cả lái xe) tính LPTB nhân (x) mức thu LPTB (%) nhân (x) 50%".

Điều 5. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2009 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2009.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính để được hướng dẫn giải quyết kịp thời./.

(Xem Danh mục hàng hóa trong phần Tài xuống)